TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **10/**2021/DS-ST
Ngày: 01/3/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1946;
Địa chỉ: khu phố C, phường D, thị xã Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1959;
Địa chỉ: số 16/22, khu phố E, phường Ê, thị xã Đ, tỉnh Tiền Giang.

(ông A có mặt; bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông A trình bày:

Ông có tham gia chơi 01 dây hụi do bà B làm đầu thảo: Hụi khui ngày 04/4/2020 (AL), dây hụi tháng, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi gồm 25 phần, ông A tham gia một phần với tên trong sổ hụi là Cậu Tư A. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi thì hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hụi, hụi viên hốt được hụi phải trả tiền huê hồng cho bà B là 1.000.000 đồng. Ông đã đóng tiền hụi sống cho bà B được 04 lần, được số tiền 8.000.000 đồng, sau đó bà B ngưng không khui hụi nữa cũng không trả lại tiền hụi 8.000.000 đồng cho ông A. Lúc tham gia chơi hụi thì bà B có làm sổ hụi do bà B ghi và giao cho ông giữ. Từ

khi bà B ngưng không khui hụi đến nay thì bà B không trả lại cho ông số tiền hụi còn nợ ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B có trách nhiệm trả cho ông A số tiền nợ hụi 8.000.000 đồng.

***** Bị đơn bà B đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà B không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông A yêu cầu bị đơn bà B trả số tiền hụi 8.000.000 đồng, trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng góp hụi". Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 16/22, khu phố 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A yêu cầu bị đơn bà B phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A là có căn cứ để chấp nhận. Bỡi lẽ, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A xác định phía ông A có tham gia chơi 01 dây hụi do bà B làm đầu thảo, hụi khui ngày 04/4/2020 (AL), ông A tham gia 01 phần, hụi 2.000.000 đồng, có 25 phần. Quá trình chơi hụi ông A đóng được 04 lần hụi sống là 8.000.000 đồng. Sau đó bà B ngưng không khui hụi nữa cũng không trả lại ông số tiền hụi ông A đã đóng. Dây hụi này bà B còn nợ ông Lươm 8.000.000 đồng. Lời trình bày của ông A phù hợp với với sổ hụi do ông A cung cấp, nội dung sổ hụi thể hiện chủ hụi là bà B, hụi viên là Cậu Tư A, thể hiện cụ thể ngày khui hụi, giá trị phần hụi, hình thức tổ chức khui hụi và danh sách các hụi viên cùng tham gia chơi hụi, ông A tham gia với tên gọi trong

sổ hụi là Cậu Tư A ở số thứ tự thứ hai. Sổ hụi này do bà B lập và ghi nội dung giao cho ông A khi ông tham gia chơi hụi.

[4] Bị đơn bà B dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn bà B đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ trả, nhưng bà B đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền hụi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không. Việc bà B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác nên xem như bà B đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên thể hiện nguyên đơn ông A có tham gia 01 dây hụi như đã trình bày, bị đơn bà B đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên yêu cầu của nguyên đơn ông A là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn ông A yêu cầu bị đơn bà B trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật; bà B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Do các bên đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ nên về phương thức trả, thời gian trả số tiền 8.000.000 đồng do các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A. Buộc bị đơn bà B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bà B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 đồng x 5% = 400.000 đồng. Nhưng do bà B hiện tại 62 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên bà B được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử

1.Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc bị đơn bà B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông A số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Bị đơn bà B hiện tại 62 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên bà Hường được miễn toàn bộ tiền án phí.

Nguyên đơn ông A hiện tại 75 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên ông Lươm được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B được quyền kháng cáo bản án sở thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa